

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFE NAM VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAFE NAM VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAFE NAM VIET JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CANAVI JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110202351

3. Ngày thành lập: 08/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 10 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0583331234

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	4530
5.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ đấu giá)	4610
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (không bao gồm kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá)	8299

14.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
15.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
16.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
17.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
18.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
19.	Lập trình máy vi tính	6201
20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. Hoạt động công nghiệp phần cứng Hoạt động công nghiệp phần mềm Hoạt động công nghiệp nội dung	6202
21.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
22.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
23.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (loại trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
24.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Không bao gồm hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)	7120
25.	Quảng cáo (Trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cầm quảng cáo)	7310
26.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
27.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
28.	Cho thuê xe có động cơ (không bao gồm hoạt động đấu giá)	7710
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
31.	Sản xuất đường	1072
32.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079(Chính)
33.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
34.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
35.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931

36.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
38.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
41.	Bưu chính	5310
42.	Chuyển phát	5320
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510
44.	Cơ sở lưu trú khác	5590
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
47.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
48.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh quán bar)	5630
49.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820
50.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
51.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
52.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
54.	Đại lý du lịch	7911
55.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa Kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
56.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
57.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
58.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
59.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

60.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
61.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
62.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
63.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
64.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
65.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
66.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
69.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

6. Vốn điều lệ: 49.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 4.900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TIỀN THÀNH	Thôn Cẩm Bào, Xã Xuân Cẩm, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	490.000	4.900.000.000	10,000	122308317	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	490.000	4.900.000.000	10,000		

2	NGUYỄN HỮU DUY	Áp An Khương, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.940.000	29.400.000.000	60,000	089090018424
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.940.000	29.400.000.000	60,000	
3	TRẦN THỊ KIM THOA	A16/57A, Ấp 1, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.470.000	14.700.000.000	30,000	083182000432
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.470.000	14.700.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ KIM THOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 03/04/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083182000432

Ngày cấp: 15/04/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *A16/57A, Ấp 1, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *A16/57A, Ấp 1, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội